

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1032/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-4-2021

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Công Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Mai Thanh Giàu

2. Ông Nguyễn Chí Quý

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hải Yến là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm do Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý số: 816/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 437/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1199/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ thường trú: Số 35/18 đường A, Khu phố B, phường C, thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: Số 343/43 đường L, Khu phố A, phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

***2. Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 35/18 đường Nam Cao, Tổ 8, Khu phố 1, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn A có tìm hiểu nhau khi tiến tới hôn nhân. Ông bà có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 3 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã Iahiao, huyện Ayunpa, tỉnh Gia Lai. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình chấp thuận.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà sống chung cùng gia đình chồng tại phường Tân Phú, Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông A không lo làm ăn, phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác nên hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt. Sau đó, ông bà đã nhiều lần trao đổi chuyện hàn gắn và tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Từ năm 2014 đến nay, bà đã ra ngoài thuê nhà trọ để sinh sống, vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian ly thân, bà và ông A không gặp nhau nên không trao đổi chuyện hàn gắn. Nay bà L xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông A, không có mong muốn hàn gắn, đoàn tụ nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn A.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Hồng T, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2007 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2009. Từ khi bà và ông A ly thân, các con vẫn sống cùng ông A và bà nội. Khi ly hôn, bà L đề nghị giao cả 02 con cho ông A tiếp tục nuôi dưỡng vì bà cho rằng bà đang thuê nhà trọ sinh sống, không đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc cho các con. Bà L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng/con, hai con là 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà L trình bày không có.

Theo Bản tự khai ngày 30 tháng 3 năm 2021, bị đơn ông Nguyễn Văn A khai rằng: Ông và bà L có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình chấp thuận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà L chơi bài bạc, chơi đề gây nợ nần. Ông đã nhiều lần cho bà L cơ hội nhưng vẫn không sửa đổi. Ông bà đã ly thân khoảng hơn 07 năm nay. Trong thời gian ly thân, hai bên không gặp nhau lần nào nên không trao đổi chuyện hàn gắn, đoàn tụ. Tuy nhiên, ông cảm thấy thương các con còn nhỏ nên không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị L.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn A xác nhận ông và bà L có 02 người con chung tên Nguyễn Hồng T, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2007 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2009. Các con hiện đang sống cùng ông và bà nội. Trường hợp ly hôn, ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông A xác định không có.

Tòa án đã tổng đạt các quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Nguyễn Văn A đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị L trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông Nguyễn Văn A vắng mặt không rõ lý do.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Xác định đúng người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thực hiện đúng quyền hạn theo quy định của pháp luật; Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể, về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn A; Về con chung: Giao ông A trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con chung tên Nguyễn Hồng T, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2007 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2009; Ghi nhận việc bà L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng/con cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Bà L phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ lời khai của đương sự trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị L nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn A, ông A có nơi cư trú tại phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông A.

[3] Xét yêu cầu của đương sự:

Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn A tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 3 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã Iahiao, huyện Ayunpa, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07, Quyền số I nên hôn nhân giữa bà L và ông A là hợp pháp.

Theo lời khai của bà L thì vợ chồng chung sống không hạnh phúc do ông A không lo làm ăn, phát sinh tình cảm với người phụ nữ khác nên hai bên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng dần lạnh nhạt và hiện đã ly thân, nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông A.

Theo lời khai của ông A thì nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bà L chơi bài bạc, chơi đề gây nợ nần, vợ chồng hiện đã ly thân nhưng do ông cảm thấy thương các con còn nhỏ nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, bà L và ông A trong thời gian chung sống đã phát sinh mâu thuẫn mà hai bên không hàn gắn được nên đã ly thân hơn 07 năm. Thời gian ly thân đã lâu, hai bên không gặp gỡ nhau cũng không trao đổi chuyện hàn gắn lại. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông A đã ở mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông A là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Hồng T, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2007 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2009. Xét việc bà L đề nghị giao ông A tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con: Tại bản tự khai ông A yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con, cả 02 trẻ Nguyễn Hồng T và Nguyễn Thị Th đều có nguyện vọng được sống cùng ba và bà nội. Do đó, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của bà L là phù hợp với yêu cầu của ông A và nguyện vọng của các con nên chấp nhận.

Xét, việc bà Nguyễn Thị L đề nghị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng cho mỗi người con, hai con là 5.000.000 đồng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi, là sự tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số I, đăng ký ngày 19 tháng 3 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã Iahiao, huyện Ayunpa, tỉnh Gia Lai không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao ông Nguyễn Văn A trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con chung tên Nguyễn Hồng T, sinh ngày 25 tháng 7 năm 2007 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 10 tháng 3 năm 2009.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.500.000 đồng cho mỗi người con, hai con là 5.000.000 đồng cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải chịu khoản lãi đối với số tiền cấp dưỡng chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì ông Nguyễn Văn A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của bà Nguyễn Thị L.

Ông Nguyễn Văn A cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà Nguyễn Thị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

**2. Về án phí:** Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà L đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng số: AA/2019/0046725 ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L còn phải nộp 300.000 đồng.

**3. Bà Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Văn A vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.**

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- UBND xã Iahiao, huyện Ayunpa, tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Công Hạnh**